

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/12/2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Hạnh;

Bà Phạm Thị Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 232/2021/TLST-HNGĐ ngày 25/10/2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 223/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/11/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 160/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/12/2021, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Dương Thị K**, sinh năm 1999.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phạm Đình Đ**, sinh năm 1986.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương. Hiện đang cư trú tại: Đài Loan.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Vũ Thị H, sinh năm 1963.

ĐKHKT và chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, các bản khai - Nguyên đơn chị **Dương Thị K** trình bày: Chị và anh **Phạm Đình Đ** được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/12/2017. Vợ

chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do tình tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng mâu thuẫn cả về kinh tế và tình cảm nên cứ mỗi lần nói chuyện lại xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài và không có biện pháp tháo gỡ, gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Cuộc sống mệt mỏi không có hạnh phúc nên chị đã về nhà đẻ ở từ năm 2018, trong thời gian đó anh Đ không tìm đón chị về đoàn tụ, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Năm 2019, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan nhưng không nói cho chị biết và cũng không liên lạc với chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Đình Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Phạm Thị Minh N, sinh ngày 01/01/2017, hiện con đang ở với bà nội là Vũ Thị H, Khi ly hôn chị nhất trí giao con cho anh Đ nuôi dưỡng, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng cho con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao con cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản, nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Vũ Thị H (mẹ đẻ anh Đ) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc điện thoại về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh Đ biết. Thông qua gia đình, anh Đ có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh nhất trí ly hôn và đề nghị được nuôi dưỡng con chung là Phạm Thị Minh N, anh tự nguyện không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng cho con. Trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam, anh ủy quyền cho bà H nuôi dưỡng con chung và anh có trách nhiệm gửi tiền về để bà H nuôi con. Về tài sản, nợ chung anh xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà H nhất trí nhận ủy quyền của anh Đ về việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, bà không yêu cầu chị K, anh Đ phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án xác minh tại chính quyền địa phương nơi chị K, anh Đ đăng ký kết hôn và cư trú thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, chị K đã bỏ về nhà đẻ ở, sau đó anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, vợ chồng mỗi người ở một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nay, chị K có đơn xin ly hôn, địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56; 81; 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn

nhân: Xử cho chị Dương Thị K được ly hôn anh Phạm Đình Đ. Về con chung: Giao con chung Phạm Thị Minh N cho anh Đ nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên (tròn 18 tuổi), chị K không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Giao cháu Phạm Thị Minh N cho bà Vũ Thị H nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ ở nước ngoài. Chị K phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Dương Thị K hiện đang sinh sống ở Việt Nam, bị đơn anh Phạm Đình Đ có nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh tại thôn L, xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương, hiện đang lao động tại Đài Loan. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị K không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ ở nước ngoài. Tòa án đã nhiều lần đề nghị gia đình anh Đ cung cấp địa chỉ nhưng gia đình không cung cấp được. Tòa án cũng tổng đạt các văn bản tố tụng cho người thân trong gia đình anh Đ và gia đình đã thông báo cho anh Đ biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn giữa chị K và anh. Đồng thời Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa lần thứ hai chị K vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Anh Đ, bà H vắng mặt và có quan điểm đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị K và anh Phạm Đình Đ kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/12/2017, là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi chửi nhau. Năm 2018 chị K bỏ về nhà đẻ ở, năm 2019 anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan không nói cho chị biết, vợ chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ. Anh Đ ở nước ngoài nhưng thông qua gia đình cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên có quan điểm nhất trí ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho chị K được ly hôn anh Đ là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có một con chung là Phạm Thị Minh N, sinh ngày 01/01/2017, hiện con đang ở với ông bà nội. Thông qua gia đình anh Đ có quan điểm được nuôi dưỡng con chung cho đến khi thành niên (tròn

18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng cho con, đồng thời ủy quyền cho bà H nuôi dưỡng con chung trong thời gian anh không có mặt tại Việt Nam. Bà H nhất trí nhận ủy quyền chăm sóc con của anh Đ. Xét thấy, chị K nhất trí giao con cho anh Đ nuôi dưỡng và nhất trí giao con cho bà H nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung Phạm Thị Minh N cho anh Đ nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ không yêu cầu chị K cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam, tạm giao con chung Phạm Thị Minh N cho bà Vũ Thị H chăm sóc nuôi dưỡng.

[2.3] Về tài sản, nợ chung: Chị K và anh Đ cùng xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Dương Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Dương Thị K ly hôn anh Phạm Đình Đ.

2. Về quan hệ nuôi con: Xử giao cho anh Phạm Đình Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Phạm Thị Minh N, sinh ngày 01/01/2017 cho đến khi con tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Đ tạm thời không yêu cầu chị K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao con chung Phạm Thị Minh N cho bà Vũ Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Đ không có mặt tại Việt Nam.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Dương Thị K phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004558 ngày 22/10/2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Dương Thị K và bà Vũ Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Anh Phạm Đình Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã T, huyện S, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, Lưu VP, Lưu Tòa.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân Trường
(Đã ký)